

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG NĂM 2021

(Kèm theo Thông báo số: /TB-UBND ngày /7/2021 của UBND tỉnh Nam Định)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN 6 THÁNG NĂM 2020	THỰC HIỆN 6 THÁNG NĂM 2021	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
					DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4=3/I</i>	<i>5=3/2</i>
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	5.700.000	2.434.447	3.417.447	60%	140%
I	Thu nội địa	5.300.000	2.252.671	3.194.727	60%	142%
1	Thu từ khu vực DNNN	345.000	128.561	135.507	39%	105%
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	200.000	50.388	125.363	63%	249%
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	840.000	330.629	429.873	51%	130%
4	Thuế thu nhập cá nhân	245.000	169.163	177.090	72%	105%
5	Thuế bảo vệ môi trường	614.600	218.430	351.889	57%	161%
6	Lệ phí trước bạ	330.000	148.386	184.358	56%	124%
7	Thu phí, lệ phí	97.400	43.982	68.645	70%	156%
8	Các khoản thu về nhà, đất	2.375.500	1.046.144	1.561.509	66%	149%
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp					
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	16.800	5.360	5.372	32%	100%
-	Thu tiền sử dụng đất	2.220.000	943.495	1.483.215	67%	157%
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	138.000	96.745	72.419	52%	75%
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	700	544	503	72%	92%
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	500	1.383	1.836	367%	133%
10	Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế	8.000	435	14.846	186%	3413%
10	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	34.000	16.128	18.681	55%	116%
11	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	60.000	26.655	24.733	41%	93%
12	Thu khác ngân sách	150.000	72.387	100.397	67%	139%
II	Thu từ dầu thô					
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	400.000	166.975	213.850	53%	128%
IV	Thu viện trợ					
V	Thu huy động, đóng góp		14.801	8.870		60%
B	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	4.819.631	2.072.878	2.890.135	60%	139%
1	Từ các khoản thu phân chia	381.631	155.006	216.339	57%	140%
2	Các khoản thu NSDP được hưởng 100%	4.438.000	1.917.872	2.673.796	60%	139%